

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Công Thương
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 14 tháng 10 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2021 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	220	128,873	58,579	408,42
I	Số thu phí, lệ phí	220	128,873	58,579	408,42
2	Phí	220	128,873	58,579	408,420
	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	10	1,6	16,000	200,000
	Phí hoạt động Thương mại	30	8,4	28,000	58,333
	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	20	0	0,000	
	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	20	4,05	20,250	33,666
	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	130	114,823	88,325	5405,979
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	184	10,0	5,43	47,44
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	184,00	10,00	5,43	47,44
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	36,00	17,06	47,38	154,81
2	Phí	36	17,06	47,38	154,81
	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	1	0,16	16,00	200,000
	Phí hoạt động Thương mại	15	4,20	28,00	58,333
	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	2	-	-	
	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	4	1,22	30,38	36,751
	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	13	11,48	88,33	5405,979

B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	9.448,505	1.177,234	12,459	50,552
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.445,433	1.177,234	21,619	82,809
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.003,072	-	-	-
6	Chi hoạt động kinh tế	2.987,600	712,600	23,852	51,000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.655,600	299,500	18,090	33,000
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.332,000	413,100	31,014	16,800

Ngày 14 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Đào Thị Thu Nguyệt

